

Tập 25

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa, trang ba mươi:

(Sớ) Vân hà tri tiên, diêu sanh bỉ quốc, cận sự Như Lai, như thị đại nguyện, thứ khả hy ký, dẫn dắt kiến Di Đà, hà sảo bất khai ngộ? Cố dĩ cầu nguyện vãng sanh vi tiên vụ chi cấp dã.

(疏)云何知先，繇生彼國，近事如來，如是大願，庶可希冀，但得見彌陀，何愁不開悟，故以求願往生為先務之急也。

(Sớ: “Biết điều cần kíp trước hết” là như thế nào? Do sanh về cõi ấy, gần gũi phụng sự Như Lai, mới hòng thỏa đại nguyện như vậy. Chỉ được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ? Vì thế, cầu nguyện vãng sanh là chuyện cấp bách phải lo toan trước hết).

Vì sao gọi “tri tiên”? Lần khai thị này hết sức quan trọng, vì chúng ta ở trong thế giới này, đừng nói là chứng quả, ngay cả khai ngộ cũng khó lắm. Vì sao? Ngộ môn bị Nhị Chương (Phiền Não Chương, Sở Tri Chương) và Nhị Chấp (Ngã Chấp, Pháp Chấp) ngăn lấp. Phiền Não Chương không chỉ chương ngại Niết Bàn mà còn chương ngại Bồ Đề. Chương ngại Bồ Đề tức là chương ngại ngộ tánh và giác tánh của quý vị. Sở Tri Chương chương ngại Bồ Đề, mà cũng chương ngại Niết Bàn. Niết Bàn là chứng quả, Bồ Đề là đại triệt đại ngộ. Hai thứ chương ngại này chẳng dễ đoạn trừ. Chẳng trừ Nhị Chương mà muốn khai ngộ, chẳng có cách nào hết! Ở đây, đại sư khuyến khích chúng ta phải “tri tiên vụ chi cấp” (biết chuyện nào là chuyện cần phải làm gấp trước hết): “Vụ” (務) là chuyện phải làm, chúng ta phải làm chuyện này trước hết, mà còn phải làm cho nhanh, chuyện gì vậy? Phát nguyện vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ.

Do vậy, hai chữ “tri tiên” rất quan trọng. “Diêu sanh bỉ quốc, cận sự Như Lai” (do sanh về cõi ấy, gần gũi, phụng sự Như Lai): Chúng ta chỉ mong sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Như Lai thì mới có hy vọng thật sự thực hiện trọn vẹn Tứ Hoằng Thệ Nguyện!

Đúng như cổ nhân đã nói: “Đản dắt kiến Di Đà, hà sảo bất khai ngộ” (Chỉ được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ). Trong đoạn Diễn Nghĩa này, [pháp sư Cổ Đức] là đã dẫn lời Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư, mấy câu kệ ấy hết sức nổi tiếng, bài kệ ấy được gọi là Tứ Liệu Giản.

(Diễn) Vĩnh Minh Tứ Liệu Giản vân: “Vô Thiền, vô Tịnh Độ, thiết sàng tịnh thiết ma, vạn kiếp dữ thiên sanh, một cá nhân y hố”.

(演)永明四料簡云：無禪無淨土，鐵床并鐵磨，萬劫與千生，沒個人依怙。

(Diễn: Bài Tứ Liệu Giản của tổ Vĩnh Minh có đoạn: “Không Thiền, không Tịnh Độ, giường sắt và cối sắt, không một ai nương tựa”).

Thiền lẫn Tịnh đều chẳng có, nếu quý vị tu những pháp môn khác, sợ rằng chẳng thể thành tựu! Nếu chẳng thể thành tựu, sẽ không có cách gì tránh khỏi tam ác đạo được!

(Diễn) Vô Thiền, hữu Tịnh Độ. Vạn tu, vạn nhân khứ, đản đắc kiến Di Đà, hà sâu bất khai ngộ?

(演)無禪有淨土，萬修萬人去，但得見彌陀，何愁不開悟。

(Diễn: Không Thiền, có Tịnh Độ. Vạn tu, vạn người đến. Chỉ được thấy Di Đà, lo chi chẳng khai ngộ?)

Chúng ta hãy nên để hết những chuyện chứng quả, khai ngộ bên Tây Phương Cực Lạc thế giới, hãy vãng sanh trước hết. Do vậy, nói: “Cầu nguyện vãng sanh vi tiên vụ chi cấp” (cầu nguyện vãng sanh là chuyện trước hết phải làm gấp). Chuyện trước hết phải làm gấp là như Mạnh Tử đã nói:

(Diễn) Mạnh Tử vân: “Tri giả, vô bất tri dã. Đương vụ chi vi cấp, Nghiêu Thuấn chi tri, nhi bất biến vật, cấp tiên vụ dã”.

(演)孟子云：知者，無不知也，當務之為急。堯舜之知，而不遍物，急先務也。

(Diễn: Mạnh Tử nói: “Biết tức là không gì chẳng biết. Nghiêu - Thuấn biết chuyện gấp rút phải làm, nhưng không thể làm hết mọi việc [cùng một lúc] được, nên lo liệu những chuyện cần làm gấp trước”).

“Tri” (知) là hiểu rõ hết thấy mọi thứ. “Vụ” (務) nói theo cách bây giờ là những chuyện phải làm. Chuyện khẩn yếu nhất trong những thứ phải làm thì gọi là “đương vụ chi cấp”. Trong kinh này, chuyện “cần phải

làm gấp” chính là cầu vãng sanh. Muốn cầu vãng sanh, niệm một câu Phật hiệu đến rốt ráo là được rồi, chuyện này quan trọng hơn bất cứ chuyện nào khác.

Tiếp theo đây, Tổ giảng chữ “*thủ ước*”. Trong phần trên, chúng ta đã hiểu nhiệm vụ cần làm gấp chính là phải cầu vãng sanh, làm như thế nào mới có thể thật sự đạt được mục đích vãng sanh? Vậy thì tiếp theo đây, chúng ta phải “*thủ ước*” (chọn lấy cách giản ước).

(Sớ) *Vân hà thủ ước? Lương dĩ Quán tụy thập lục, ngôn Phật tiện châu. Phật tụy chí cực, duy tâm tức thị. Kim văn Phật danh, nhất tâm chấp trì, khả vị chí giản, chí dị, công bất phiền thi, nhi vạn pháp duy tâm, tâm thanh tịnh cố, hà sự bất biện?*

(Diễn) “*Quán tụy thập lục, ngôn Phật tiện châu*” giả, *Thập Lục Quán Kinh*, để viết *Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh* giả, dĩ thập lục Quán pháp, bất xuất y, chánh, chủ, bạn.

(疏)云何守約，良以觀雖十六，言佛便周。佛雖至極，惟心即是。今聞佛名，一心執持，可謂至簡至易，功不繁施。而萬法惟心，心清淨故，何事不辦。

(演)觀雖十六，言佛便周者，十六觀經，題曰觀無量壽佛經者，以十六觀法，不出依正主伴。

(Sớ): “Giữ lấy cách giản ước” là như thế nào? Ấy là vì tuy có mười sáu phép Quán, nhưng nói “Phật” là đã trọn đủ. Phật tuy là tột bậc, nhưng tâm chính là Phật. Nay nghe danh hiệu Phật, nhất tâm chấp trì, có thể nói là đơn giản nhất, dễ dàng nhất, thực hiện chẳng rắc rối gì; nhưng vạn pháp duy tâm, tâm đã thanh tịnh thì có chuyện gì mà chẳng hoàn tất được?

Diễn: “Tuy có mười sáu phép Quán, nhưng nói tới Phật là đã trọn đủ”: Tựa đề của *Thập Lục Quán Kinh* là *Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh*, vì mười sáu phép Quán chẳng ra ngoài y báo, chánh báo, chủ, bạn).

Mười sáu phép Quán chẳng ra ngoài y báo và chánh báo của thế giới Cực Lạc. “*Chủ*” (主) là giáo chủ A Di Đà Phật, “*bạn*” (伴) là các vị thượng thiện nhân.

(Diễn) *Phật thị chánh báo, cử chánh tức dĩ nhiếp y, nhật, địa, hàng thụ, bảo trì dĩ ng, vô bất nhiếp cố.*

(演)佛是正報，舉正足以攝依。日、地、行樹、寶池等，無不攝故。

(Diễn: Phật là chánh báo, nêu lên chánh báo là đủ để bao gồm y báo, [các phép Quán như] mặt trời, đất, hàng cây, ao báu v.v... không gì chẳng được bao gồm).

Mọi thứ đều được bao gồm trong ấy.

(Diễn) Phật thị hóa chủ, cử chủ túc dĩ nhiếp bạn, Quán Âm, Thế Chí, nữ chí cứu phẩm vãng sanh, vô bất nhiếp cố.

(演)佛是化主，舉主足以攝伴。觀音、勢至，乃至九品往生，無不攝故。

(Diễn: Phật là hóa chủ, nêu ra chủ đủ để gồm thân bạn. Từ Quán Âm, Thế Chí cho đến chín phẩm vãng sanh, không gì chẳng thân gồm).

[Chủ và bạn] cũng đều được bao gồm.

(Diễn) Phật tuy chí cực, duy tâm tức thị giả.

(演) 佛雖至極，唯心即是者。

(Diễn: Phật tuy là chí cực, nhưng tâm chính là Phật).

“Chí cực” là đạt đến địa vị cao tột.

(Diễn) Phật tuy thị vạn đức quả nhân.

(演) 佛雖是萬德果人。

(Diễn: Phật tuy là bậc đắc quả vị vạn đức).

Phật là bậc đã chứng quả, chứng được quả vị rốt ráo, nói theo Lý thì...

(Diễn) Thật bất ly dương nhân hiện kim nhất niệm, dĩ tâm ngoại mịch Phật, tức tà ma cố.

(演) 實不離當人現今一念。以心外覓佛，即邪魔故。

(Diễn: Nhưng thật sự chẳng lìa nhất niệm hiện tiền của hành giả, vì tìm Phật ngoài tâm sẽ chính là tà ma).

Như vậy là sẽ biến thành ma, ma là gì? Ma là thử thách, chướng ngại, ngăn trở quý vị chứng đắc nhất tâm. Bất đắc dĩ phải nói danh từ “nhất tâm”, cho nên tôi khuyên quý vị đừng chấp vào tướng ngôn thuyết, chớ nên chấp trước tướng danh tự thì quý vị mới có thể chứng đắc. Nếu quý vị chấp tướng ngôn thuyết, danh tự, sẽ bị ma dựa. Phật là chân tâm của chính mình, chân tâm là “*hiện kim nhất niệm*” (nhất niệm hiện tiền). Hiện thời, ý niệm của chúng ta hết sức tạp, rất nhiều tạp niệm đều từ nhất niệm sanh ra. Nhất niệm là căn bản, nhất niệm là chân thật; nhị niệm, tam niệm là vọng tưởng, chẳng chân thật. Nếu có thể bỏ được nhị niệm lẫn tam niệm, khôi phục nhất niệm, chân tâm sẽ hiện tiền.

(Diễn) *Chí giản, chí dị giả, nhất tâm chấp trì, chí giản nhi bất phiền, chí dị nhi bất nan, thủ thủ ước dã.*

(Đản) 至簡至易者，一心執持，至簡而不繁，至易而不難，此守約也。

(Diễn): “Đơn giản nhất, dễ dàng nhất”: Nhất tâm chấp trì, đơn giản nhất, chẳng rắc rối, dễ dàng nhất, chẳng khó khăn, đây là giữ lấy cách giản ước vậy).

“*Thủ ước*” (giữ lấy cách hành trì đơn giản) là nhất tâm chấp trì danh hiệu. Nhất tâm là gì? Nói đơn giản, hiện tại chúng ta chẳng khởi lên ý niệm thì thôi! Hễ một ý niệm vừa khởi lên, bèn một câu A Di Đà Phật, đây gọi là “*nhất tâm chấp trì danh hiệu*”. Ngàn vạn phần đừng chuyển thành ý niệm nào khác, chuyển thành ý niệm khác là sai! Do vậy, phương pháp này đơn giản, dễ dàng, quyết định thành tựu, tùy thuộc chúng ta trong mười hai thời có chịu làm hay không? Đối với hết thảy pháp, bất luận là pháp thế gian hay Phật pháp, người tu Tịnh Độ tùy phận tu học. “*Tùy phận*” là tùy duyên, tùy phận chẳng miễn cưỡng tí nào! Chúng ta học rất tự tại, vì sao phải học theo cách này? [Phải học như vậy] thì quý vị mới giữ được nhất tâm để chấp trì danh hiệu; hiểu pháp này là trọng yếu nhất, cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ là hành pháp duy nhất.

Những thứ thuộc về Tông Môn và Giáo Hạ ta hiểu, rất tốt! Không hiểu cũng chẳng sao cả, tạm thời chẳng mong hiểu. Vĩnh Minh đại sư dạy: “*Chỉ được thấy Di Đà, lo chi chẳng khai ngộ?*” Những thứ thuộc về Tông Môn, Giáo Hạ khi ta sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ thừa hỏi A Di Đà Phật, đây là tự tại! Có gì cứ phải truy cầu không ngừng trong hiện tại, [vì truy cầu sẽ] chướng ngại sự nhất tâm của chính mình, phá hoại chánh niệm của chính mình, kết quả sẽ ra sao? Đồi đắp đều lỗ lã, chẳng

khai ngộ, lại chẳng thể vãng sanh, đây mới là đáng tiếc! Do vậy, phải tùy phận.

Còn một phương thức nữa. Ví như đối với kinh này, trong quá khứ, tôi học giảng kinh đã có kinh nghiệm như sau: Khi chuẩn bị bài giảng, hề đọc đoạn kinh văn nào giảng không được, tôi bèn tìm tài liệu tham khảo để đọc, mà [đọc rồi] cũng chẳng hiểu. Nếu quý vị khổ sở suy nghĩ, tra cứu, sợ rằng đầu óc sẽ rối tung, làm cách nào đây? Buông xuống hết mọi thứ, điều gì cũng chẳng nghĩ tới nữa! Niệm Phật, lay Phật, niệm một hai tiếng đồng hồ, tâm niệm rất yên tĩnh; lễ Phật một hai trăm lay, đột nhiên những ý nghĩa ấy hiện tiền, liền hiểu được ý nghĩa. Mỗi người phát tâm giảng kinh đều có kinh nghiệm này. “*Tịnh cực quang thông đạt*”, tức là tâm thanh tịnh đã đến mức cùng cực, thần lực của Tam Bảo gia trì, đột nhiên thông suốt ý nghĩa ấy! Do đây có thể biết: Nhất tâm chấp trì hết sức trọng yếu!

(Diễn) *Vạn pháp duy tâm giả, cổ vân: “Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức”. Hựu vân: “Ứng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo”.*

(演) 萬法唯心者，古云：三界唯心，萬法唯識。又云：應觀法界性，一切唯心造。

(Diễn: “*Vạn pháp duy tâm*”: Cổ nhân nói: “*Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức*”. Lại nói: “*Hãy nên quán tánh của pháp giới, hết thảy đều do tâm tạo*”).

Kinh Hoa Nghiêm nói như vậy đó.

(Diễn) *Tâm thanh tịnh cố, hà sự bất biện giả, ký đắc kỳ bản, bất sâu kỳ mạt dã.*

(演) 心清淨故，何事不辦者。既得其本，不愁其末也

(Diễn: “*Tâm thanh tịnh thì có chuyện gì mà chẳng hoàn tất*”: Đã đạt được cái gốc, lo chi cái ngọn?)

“*Bản*” (本) là tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh hiện tiền, pháp thế gian lần xuất thế gian đều thông đạt chẳng khó khăn gì.

(Diễn) *Hạ văn lục cú, chánh thích thử cú chi nghĩa.*

(演) 下文六句，正釋此句之義。

(Diễn: Sáu câu dưới đây nhằm giải thích ý nghĩa của câu này).

Sáu câu nào vậy?

(Sớ) Sát-na vận tướng, y chánh uyển nhiên, cử niệm dục sanh, tiện đăng bỉ quốc, thị tắc nan thành chi Quán, bất tập nhi thành.

(Diễn) Vận tướng uyển nhiên giả, vị tam-muội ký thành, tướng hàng thụ tắc hàng thụ minh, tướng bảo trì tắc bảo trì hiện, tướng Bồ Tát tắc Bồ Tát tại tiền, tướng Như Lai tắc Như Lai uyển nhĩ, dĩ tam-muội tâm trung tùy tâm hiện tướng cố.

(疏)剎那運想，依正宛然，舉念欲生，便登彼國，是則難成之觀，不習而成。

(演)運想宛然者，謂三昧既成，想行樹則行樹明，想寶池則寶池現，想菩薩則菩薩在前，想如來則如來宛爾，以三昧心中隨心現相故。

(Sớ) Quán tướng trong khoảng một sát-na, y báo và chánh báo rành rành. Dấy ý niệm muốn vãng sanh, liền lên cõi kia. Đây là phép Quán khó thành, chẳng tu tập mà được thành tựu.

Diễn: “Quán tướng rành rành” là tam-muội đã thành thì tướng hàng cây, hàng cây bèn rõ rệt, tướng ao báu, ao báu bèn hiện, tướng Bồ Tát, Bồ Tát liền ở trước mặt, tướng Như Lai thì Như Lai rành rành như vậy. Đó là vì trong tâm tam-muội có thể tùy ý hiện tướng).

Ý nghĩa này rất dễ hiểu!

(Diễn) Cử niệm tiện đăng giả, Giải Thoát trưởng giả ngôn: “Ngã dục kiến A Di Đà Phật, tùy ý tức kiến”, thị dã.

(演)舉念便登者，解脫長者言，我欲見阿彌陀佛，隨意即見，是也。

(Diễn: “Khởi niệm liền đạt lên”: Trưởng giả Giải Thoát¹ nói: “Tôi muốn thấy A Di Đà Phật, tùy ý liền thấy” là nói về ý này).

¹ Trưởng giả Giải Thoát là vị thiện tri thức thứ năm trong năm mươi ba vị thiện tri thức được Thiện Tài đồng tử tham phỏng. Môn giải thoát của vị thiện tri thức này có tên là Như Lai Vô Ngại Trang Nghiêm Giải Thoát Môn, có thể tùy ý thấy mười phương chư Phật Như Lai.

Chúng ta đọc thấy điều này trong kinh Hoa Nghiêm. Công phu ấy do niệm Phật mà có. Chỉ cần nhất tâm niệm Phật, niệm đến công phu thành phiên, cảnh giới ấy hiện tiền. Công phu thành phiên có ba bậc, chín phẩm; công phu [thành phiên] thượng thừa sẽ đạt đến cảnh giới này. Ở đây nói là “*tam-muội ký thành*” (tam-muội đã thành tựu), tiêu chuẩn là Sự nhất tâm bất loạn, nhưng công phu thành phiên thượng thừa đã rất gần với nhất tâm, cảnh giới ấy bèn hiện tiền. Sau đây, chính quý vị mới thật sự chứng đắc “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, dùng chuyện này để chứng minh. Khi nào muốn thấy Phật, chỉ cần tâm vừa khởi niệm, Phật bèn hiện tiền. Muốn thấy các Bồ Tát, ý niệm vừa dậy, Bồ Tát liền hiện tiền. Đây chẳng phải là vọng tưởng, mà là chân thật, vì sao chẳng phải là vọng tưởng? Vì quý vị chẳng dùng vọng tâm. Vọng tưởng thì nhất định là dùng tâm ý thức, tức là dùng vọng tâm, còn ở đây là dùng chân tâm, chẳng dùng vọng tâm. Chân tâm hiện ra cảnh giới chân thật, vọng tâm hiện ra cảnh giới hư vọng. Do vậy, ở đây chẳng phải là khởi vọng tưởng.

Điều này nói rõ: Quý vị dùng phương pháp nhất tâm chấp trì danh hiệu, sẽ có thể thành tựu cảnh giới giống hệt như trong Thập Lục Quán Kinh. Chỉ cần quý vị niệm đến nhất tâm, cảnh giới trong Thập Lục Quán Kinh sẽ chẳng tu mà tự nhiên hiện tiền. Nếu dùng phương pháp trong Thập Lục Quán Kinh để tu hành, sẽ khá khó khăn, rất khó thành tựu. Chúng ta nhất định phải ghi nhớ kỹ càng điều này.

(Sớ) Cố dĩ trì danh niệm Phật, sở thủ vuơ vi yếu ước dã.

(疏) 故以持名念佛，所守尤為要約也。

(Sớ: Vì vậy, lấy trì danh niệm Phật [làm phương pháp tu hành], thì sự chọn lựa càng thật là tinh yếu, giản ước).

Ở đây, “*cố*” (故) là lời tổng kết, chúng ta hiểu rõ ràng như thế này: Trong tất cả các pháp môn, Trì Danh Niệm Phật là hành môn đơn giản nhất, dễ dàng nhất, giản ước nhất. Tuy dễ dàng, nhưng thành công cao lắm!

(Sớ) Thiên Như vị: “Đại thánh bi lân, trực khuyến chuyên trì danh hiệu” thị dã.

(疏) 天如謂大聖悲憐，直勸專持名號是也。

(Sớ: Ngài Thiên Như nói: “Đại thánh bi mẫn, khuyến thẳng thường hãy nên trì danh” chính là nói tới điều này).

Thiên Như² là đức hiệu của một vị pháp sư, Ngài cũng là một vị cô đại đức.

(Diễn) Đại thánh bi lân giả, Thiên Như vân: “Quán pháp lý vi, chúng sanh tâm tạp. Tạp tâm tu quán, quán tướng nan thành. Đại thánh bi lân, trực khuyến chuyên trì danh hiệu”.

(演)大聖悲憐者，天如云：觀法理微，眾生心雜，雜心修觀觀想難成，大聖悲憐，直勸專持名號。

(Diễn): “Đại thánh bi lân”: Ngài Thiên Như nói: “Quán pháp, lý vi diệu, tâm chúng sanh tạp loạn. Tạp tâm mà tu quán, quán tướng sẽ khó thành tựu. Đại thánh thương xót, khuyến thẳng thừng hãy nên chuyên trì danh hiệu”).

Đây là sự thật. “Đại thánh bi lân”: Chữ “đại thánh” chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật, đặc biệt từ bi, thương xót chúng sanh. Nếu chúng ta dốc sức nơi phép quán tướng sẽ chẳng thể thành tựu, chẳng bằng chuyên trì danh hiệu. Do vậy, bản kinh này “khuyến thẳng thừng hãy chuyên trì danh hiệu” là do ý nghĩa này. Tiếp theo đây, [sách Sớ Sao] nói về công đức và lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của danh hiệu ấy.

(Sớ) Cử danh giả, Phật hữu vô lượng đức, kim dẫn tứ tự danh hiệu, túc dĩ cai chi.

(疏)舉名者，佛有無量德，今但四字名號足以該之。

(Sớ): “Nêu lên danh hiệu”: Phật có vô lượng đức, nay chỉ dùng danh hiệu gồm bốn chữ đã đủ để bao gồm trọn hết).

Bốn chữ A Di Đà Phật có nghĩa là Vô Lượng Giác, quả thật vô lượng trí huệ, đức năng đều được bao gồm trong bốn chữ này, cũng có thể nói là mười phương ba đời hết thấy chư Phật, Bồ Tát đều được bao gồm

² Ngài Thiên Như sống vào đời Nguyên, pháp danh là Duy Tắc (1276-1357), pháp hiệu Thiên Như, họ Đàm, người huyện Lô Lăng. Sư xuất gia từ nhỏ tại Hòa Sơn, về sau, qua núi Bắc Thiên Mục theo học với ngài Trung Phong Minh Bồn và đắc pháp nơi Ngài, trụ tại chùa Sư Tử Lâm ở Cô Tô. Sư soạn bộ Lăng Nghiêm Hội Giải rất nổi tiếng. Ngài chuyên hoằng truyền Lăng Nghiêm, nhưng cũng giống như thầy Ngài là thiền sư Trung Phong, tuy cực lực hoằng dương Thiền Pháp, nhưng chuyên tu Tịnh Độ. Ngoài bộ Tịnh Độ Hoắc Ván và Hội Giải, Sư còn có những tác phẩm nổi tiếng khác như Lăng Nghiêm Kinh Viên Thông Sớ, Thập Pháp Giới Đồ Thuyết, Thiên Như Duy Tắc Thiền Sư Ngũ Lục v.v...

trong ấy, chẳng sót một vị nào! Do vậy, mới được gọi là Pháp Giới Tạng Thân A Di Đà Phật. Tiếp theo đó, sách giải thích...

(Sớ) *Dĩ Di Đà tức thị toàn thể nhất tâm, tâm bao chúng đức, Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, Bốn Giác, Thử Giác, Chân Như, Phật Tánh, Bồ Đề, Niết Bàn, bách thiên vạn danh, giai thử nhất danh nhiếp vô bất tận.*

(疏) 以彌陀即是全體一心，心包眾德，常樂我淨，本覺始覺，真如佛性，菩提涅槃，百千萬名，皆此一名攝無不盡。

(Sớ: Do Di Đà chính là toàn thể nhất tâm, tâm bao gồm các đức: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, Bốn Giác, Thử Giác, Chân Như, Phật Tánh, Bồ Đề, Niết Bàn, trăm ngàn vạn danh hiệu đều được một danh hiệu này gồm thâu, không gì chẳng trọn hết).

Đây là nói đến nội hàm³ của một câu danh hiệu, nó bao gồm những ý nghĩa này. Nếu quý vị đọc [lời chú giải cho] mấy câu này trong sách Diễn Nghĩa, thì [những lời chú giải ấy] cũng là giảng những điều quan trọng trong đoạn này. Trước hết, chúng ta nhất định phải hiểu rõ: Danh hiệu này chính là toàn thể nhất tâm của chính mình, là bản lai diện mục trước khi được cha mẹ sanh ra. Đây là nói theo phương diện mỗi cá nhân, [danh hiệu ấy] chính là chính mình. Nếu mở rộng phạm vi để nói, danh hiệu ấy là toàn thể pháp giới, vì sao vậy? Vì y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là vật được biến hiện bởi nhất tâm của chính mình. Chính mình là một tiểu pháp giới, bên ngoài là đại pháp giới. Lớn - nhỏ chẳng hai, Tự - Tha hết như một; do vậy, một câu danh hiệu này là danh xưng chung của toàn thể pháp giới.

(Diễn) *Di Đà tức thị toàn thể nhất tâm, hữu nhị nghĩa: Nhất giả, A Di Đà Phật tức thị toàn thể nhất tâm, dĩ Phật phục bốn nguyên cứu cánh giác thể.*

(演) 彌陀即是全體一心有二義：一者，阿彌陀佛即是全體一心，以佛復本源究竟覺體。

³ Nội hàm (intension, connotation): Những ý nghĩa đặc trưng hoặc phẩm chất được chứa đựng trong một từ ngữ.

(Diễn: “*Di Đà là toàn thể nhất tâm*” có hai nghĩa: Một, *A Di Đà Phật chính là toàn thể nhất tâm, vì Phật đã khôi phục cội nguồn giác thể rốt ráo*).

“*Phục*” (復) là khôi phục. Thành Phật là gì? Thành Phật không có gì khác ngoài khôi phục cội nguồn giác thể rốt ráo, chỉ là như vậy mà thôi! Nếu nay chúng ta tự mình cũng có thể tự khôi phục cội nguồn giác thể rốt ráo thì gọi là Phật. Chưa thể khôi phục rốt ráo thì là Bồ Tát. Hoàn toàn mê hoặc điên đảo thì là phàm phu.

(Diễn) Cố Khởi Tín vân: “*Ly niệm tướng giả, đẳng hư không giới, vô sở bất biến, pháp giới nhất tướng, tức thị Như Lai bình đẳng Pháp Thân*”.

(演)故起信云：離念相者，等虛空界，無所不遍，法界一相，即是如來平等法身。

(Diễn: Vì vậy, *Khởi Tín Luận* chép: “*Lìa niệm tướng, giống như hư không giới, không đâu chẳng trọn khắp. Pháp giới một tướng chính là Pháp Thân bình đẳng của Như Lai*”).

“*Khởi Tín vân*”: Trong *Khởi Tín Luận*, Mã Minh Bồ Tát bảo chúng ta, “*ly niệm tướng giả, đẳng hư không giới*”, đây là nói về tự tâm của chính quý vị. Nếu tâm của quý vị thanh tịnh, tâm ấy sẽ bằng với hư không pháp giới, to như nhau, thanh tịnh như nhau, chẳng thể nghĩ bàn như nhau. Nếu trong tâm quý vị có ý niệm, hề có ý niệm là chẳng được rồi, tâm lượng sẽ rất nhỏ, chẳng thể bằng hư không, pháp giới. “*Niệm*” là gì? “*Bất giác niệm khởi, nhi hữu vô minh*” (bất giác dậy niệm bèn có vô minh). Niệm gọi là vô minh, niệm ấy là “phân biệt, chấp trước, vọng tưởng” như trong kinh Phật thường nói; khởi lên những ý niệm ấy. Niệm ấy cũng được các nhà Duy Thức gọi là “*tâm ý thức*”, thức thứ sáu, tức Ý Thức, phân biệt; thức thứ bảy, là Mạt Na, chấp trước. Thức thứ tám lưu giữ chủng tử của ấn tượng, khiến cho cái tâm của ta vốn bằng với hư không pháp giới, mà nay ta tự mình vạch ra rất nhiều giới hạn. Nói theo Lý, những giới hạn ấy là hư vọng, chẳng chân thật. Tuy là hư vọng, chúng khởi tác dụng. Tác dụng ấy chướng ngại toàn thể đại dụng của quý vị, biến hiện thành luân hồi trong sáu đường, ở trong ấy, gánh chịu những tai nạn chẳng hư vọng. Phật pháp dạy chúng ta khôi phục cội nguồn giác thể rốt ráo. Do vậy, nói cho chúng ta biết chân tướng sự thật này, mong chúng ta giác ngộ, mong chúng ta sẽ lìa hết thảy phân biệt, chấp trước. *Khởi Tín Luận* nói hết sức

cụ thể, “*lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên*”. Lìa tướng ngôn thuyết là không phân biệt, lìa tướng danh tự là không chấp trước, lìa tướng tâm duyên là lìa hết thấy vọng tưởng. Giác tánh ấy cũng là chân tâm, hợp thành một với toàn thể pháp giới. “*Vô sở bất biến, pháp giới nhất tướng*” (không đâu chẳng trọn khắp, pháp giới nhất tướng), kinh Hoa Nghiêm gọi nó là Nhất Chân pháp giới, trong Tịnh Độ gọi là cõi Thật Báo, cõi Tịch Quang, vì nó vốn là một tướng. Do vậy, ắt phải đặc nhất tâm thì mới có thể chứng đắc, đây là “*Như Lai bình đẳng Pháp Thân*”. Trong kinh điển, chúng ta thường đọc thấy: “*Chư Phật Như Lai chứng đắc Pháp Thân thanh tịnh*”.

(Diễn) Phù pháp giới nhất tướng, thị ly niệm chi tâm thể dã.

(演) 夫法界一相，是離念之心體也。

(Diễn: Pháp giới nhất tướng là tâm thể ly niệm).

Do đây, chúng ta có thể biết: Bản thể của chân tâm chúng ta vốn là pháp giới. Pháp giới là tổng tướng của nhất tâm. Lìa khỏi hết thấy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, thì tâm ấy là pháp giới. Không chỉ là pháp giới mà còn là...

(Diễn) Nhi tức thị Như Lai, tức Như Lai khởi bất thị toàn thể nhất tâm?

(演) 而即是如來，則如來豈不是全體一心。

(Diễn: Mà còn chính là Như Lai, vậy thì Như Lai há chẳng phải là toàn thể nhất tâm ư?)

Đây là ý nghĩa thứ nhất, giải thích A Di Đà Phật là toàn thể nhất tâm, là Nhất Chân pháp giới.

(Diễn) Nhị giả, A Di Đà Phật tứ tự, tức thị toàn thể nhất tâm.

(演) 二者，阿彌陀佛四字，即是全體一心。

(Diễn: Hai, bốn chữ A Di Đà Phật chính là toàn thể nhất tâm).

Bốn chữ này thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Nếu quý vị hoàn toàn thông đạt đoạn này, quý vị mới thật sự hiểu rõ bốn chữ danh hiệu A Di Đà Phật chẳng thể nghĩ bàn! Quý vị mới thật sự phát tâm “nhất tâm chấp trì”, mà cũng là chẳng thể buông lung. Bốn chữ A Di Đà Phật là toàn thể nhất tâm.

(Diễn) *Thử tứ tự tại ngã tâm trung, minh minh, lịch lịch.*

(演) 此四字在我心中，明明歷歷。

(Diễn: *Bốn chữ này sáng ngời vằng vặc trong tâm ta).*

“Minh minh, lịch lịch” nói theo cách bây giờ là “sáng sủa, rõ ràng”.

(Diễn) *Huýnh nhiên độc chiếu.*

(演) 迥然獨照。

(Diễn: *Riêng chiếu rạng ngời).*

Dùng danh hiệu Phật, danh hiệu Phật là chân tâm của chính mình, tức là toàn thể pháp giới. Quý vị hãy nghĩ xem: Bốn chữ này có sai khác gì với “*tam mật tương ứng*” như trong Mật Tông đã nói hay chẳng? Miệng trì chú, tay kết ấn, ý quán tưởng là “*tam mật tương ứng*”. Nay chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật, [trong khi giảng] Tâm Kinh, tôi đã thưa với quý vị, câu A Di Đà Phật này là “*đại thần chú, đại minh chú, chú vô thượng, chú không gì có thể sánh bằng*”. Niệm câu danh hiệu này là trì chú, so ra còn cao minh hơn trì chú trong Mật Tông nhiều lắm! Quý vị ngàn vạn phần đừng nghĩ: Ta phải trì chú này, chú nọ, thứ gì cũng đều chẳng dùng tới. Có chú nào linh nghiệm hơn chú (Phật hiệu) này? Chú nào cũng chẳng giản yếu bằng chú này! Quý vị niệm câu danh hiệu này, dùng phương cách quán tưởng như thế nào? Quý vị hãy nghĩ đến ý nghĩa ở chỗ này, đây chính là quán tưởng thù thắng nhất. Tay kết ấn, chấp tay, hay buông tay đều nhằm ý nghĩa sau đây: Khi chấp tay biểu lộ sự nhất tâm, khi buông tay biểu thị pháp giới.

(Diễn) *Tứ tự chi ngoại vô ngã tâm, ngã tâm chi ngoại vô tứ tự, khởi bất thị toàn thể nhất tâm.*

(演) 四字之外無我心，我心之外無四字，豈不是全體一心。

(Diễn: *Ngoài bốn chữ chẳng có tâm ta, ngoài tâm ta chẳng có bốn chữ, há chẳng phải là toàn thể nhất tâm ư?)*

Câu này là nói hết sức minh bạch. Ý nghĩa tiếp theo đây càng viên mãn hơn nữa!

(Diễn) *Hựu phục chân niệm Phật giả, duy sắc, duy tâm, duy quán, duy cảnh.*

(演) 又復真念佛者，唯色唯心，唯觀唯境。

(Diễn: *Lại nữa, thật sự niệm Phật là sắc, là tâm, là quán, là cảnh).*

Tôi vừa mới nêu tỷ dụ về sự trì chú trong Mật Tông, quý vị thấy có đúng như vậy hay không? Do vậy, câu danh hiệu này chẳng dễ dàng niệm đâu nhé! Nhất định phải biết niệm. Biết niệm sẽ thành tựu nhanh chóng. Không biết niệm thì niệm suốt đời cũng chẳng có tin tức gì. Chỉ có nhất tâm trì danh từng tiếng tương ứng với quán cảnh thì mới có công năng chế phục phiền não, đoạn phiền não, mới có thể phá vô minh, chứng Pháp Thân. Do vậy, trong phần trước, tôi đã nhắc quý vị: Mỗi tiếng niệm Phật đều phải đầy đủ Tam Học, Tam Huệ, Tam Tư Lương, tôi lại nhắc thêm quý vị: Mỗi tiếng niệm câu danh hiệu này trọn đủ lục độ, vạn hạnh, chẳng giả tí nào, vì nó là toàn thể nhất tâm.

(Diễn) *Nhất danh, nhất tự, vô phi Thật Tướng, khởi bất tức thị toàn thể nhất tâm?*

(演) 一名一字，無非實相，豈不即是全體一心。

(Diễn: *Mỗi danh hiệu, mỗi chữ, không gì chẳng phải là Thật Tướng, há chẳng phải là toàn thể nhất tâm ư?)*

Ở đây đại sư nói ra hai ý nghĩa của “*A Di Đà Phật chính là toàn thể nhất tâm*”.

(Diễn) *Tâm bao chúng đức giả.*

(演) 心包眾德者。

(Diễn: *Tâm bao gồm các đức là...)*

Chữ “*tâm*” này là toàn thể nhất tâm được nói tới trong phần trên, vô lượng vô biên đức năng đều được bao gồm trong ấy. Ở đây nhắc đến nhiều danh từ Phật học, có những danh từ được chú giải đơn giản; đối với người mới học Phật thì những danh từ này rất quan trọng, đặc biệt là đối với những đồng học muốn học giảng kinh. Ở đây, đại sư dùng những câu chữ rất đơn giản để chú giải những danh tướng này, đúng là chú giải đơn giản, trọng yếu, tường tận, rõ ràng. Xin xem đoạn văn sau đây:

(Diễn) Dĩ Chân Như thể trung, cụ túc vô lậu tánh công đức cố.

(演) 以真如體中，具足無漏性功德故。

(Diễn: Do trong cái Thể của Chân Như có đủ các công đức của tánh vô lậu).

“Vô lậu tánh” chính là chân tánh, tức là Chân Như bản tánh; trong bản tánh có đầy đủ vô lượng vô biên công đức.

(Diễn) Thử tâm bất vị tam tế thiên lưu viết Thường.

(演) 此心不為三際遷流曰常。

(Diễn: Trong ba đời, tâm này chẳng bị dời đổi, nên gọi là Thường).

Trước hết, [sách Diễn Nghĩa] giảng bốn tịnh đức “Thường, Lạc, Ngã, Tịnh”. “Thường” là gì? “Tam tế” là quá khứ, hiện tại, vị lai. Nói cách khác, đó là thời gian, chẳng bị biến đổi theo thời gian, vĩnh viễn là như vậy, vĩnh viễn chẳng bị thay đổi, nên gọi là Thường.

(Diễn) Bất vị nhị tử bức bách viết Lạc.

(演) 不為二死逼迫曰樂。

(Diễn: Chẳng bị hai thứ chết bức bách nên gọi là Lạc).

Phân Đoạn Sanh Tử của phàm phu trong lục đạo và Biến Dịch Sanh Tử của Nhị Thừa, Bồ Tát chẳng liên can gì với chân tánh. Nói cách khác, chẳng liên quan gì đến nhất tâm. Chỉ cần quý vị đạt được nhất tâm sẽ chẳng có sanh tử. Nhị tâm bèn có sanh tử, nhất tâm không có sanh tử. Do vậy, bảo quý vị nhất tâm chấp trì danh hiệu để có thể liễu sanh tử, thoát tam giới, chứ nhị tâm thì sẽ trôi nổi trong tam giới. Nhất tâm vượt thoát tam giới, vượt khỏi thời gian lẫn không gian. Hiện thời, có những nhà khoa học và triết gia Tây Phương đang suy đoán: Không gian vũ trụ chẳng phải chỉ là không gian ba chiều hay bốn chiều, rất có thể là vô hạn chiều. Cách suy đoán này khá phù hợp với những gì Phật giáo nói. Những khoa học gia ấy từ đầu đến cuối vẫn suy tính làm thế nào để đột phá không gian ba chiều, tiến nhập không gian bốn chiều, hoặc đột phá không gian bốn chiều để tiến nhập không gian có nhiều chiều hơn. Có như vậy thì mới có thể đến được vị lai, mà cũng có thể quay về quá khứ. Phật pháp đã sớm có phương pháp, những nhà khoa học ấy rất thông minh, rất đáng tiếc họ chẳng có duyên phận gặp được Phật pháp. Nếu họ gặp được Phật pháp,

tôi nghĩ họ nhất định chứng quả trong một đời, nhất định khai ngộ. Phật pháp dùng phương pháp gì để đột phá không gian ba chiều và không gian bốn chiều? Dùng nhất tâm, nhất tâm sẽ đột phá được, mới có thể thật sự thấy được bản lai diện mục của vũ trụ vạn hữu.

(Diễn) *Cụ bát tự tại viết Ngã.*

(演) 具八自在曰我。

(Diễn: *Có đủ tám điều tự tại thì gọi là Ngã.*)

“*Bát tự tại*” là điều được nói tới trong kinh, nhưng có phải là tự tại chỉ giới hạn trong tám thứ mà thôi? Không phải! Tám thứ tự tại chỉ là liệt kê đại lược mà thôi. Do thời gian hạn chế, không cần phải kể từng điều. Ví như tự do, nay chúng ta có được hưởng tự do hay chẳng? Trong hết thảy cảnh giới chẳng thể thuận theo lòng muốn, đây là chẳng tự tại. Có ai trong chúng ta chẳng hy vọng chính mình sống mãi chẳng già? Mỗi ngày một già suy hơn, đây là chẳng tự tại. Vì sao chúng ta không được tự tại? Đó là vì chúng ta có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, tam tâm, nhị ý, xử sự bằng loạn tâm. Vì vậy, vốn là tự tại, tự tại là giải thoát; nói theo cách bây giờ, giải thoát là tự do tự tại, bị mất sạch rồi! Cũng nhờ nhất tâm mà [giải thoát được] khôi phục. Vì vậy, tâm càng thanh tịnh, quý vị càng tự tại. Tâm chẳng thanh tịnh mà mong tự tại sẽ là chuyện không thể nào xảy ra được!

(Diễn) *Ly ngũ trụ ô nhiễm viết Tịnh.*

(演) 離五住污染曰淨。

(Diễn: *Lìa ngũ trụ ô nhiễm thì gọi là Tịnh.*)

Đây là nói tới Ngũ Trụ Địa vô minh⁴, tức là nói về căn bản sanh tử của tam giới lục đạo. Nó cũng chính là Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, căn bản vô minh như chúng ta thường nói. Quý vị đoạn sạch những thứ này thì gọi là Tịnh. Đây là giới thiệu Thường, Lạc, Ngã, Tịnh; trong Phật pháp, chúng được gọi là Tứ Tịnh Đức, là những thứ vốn sẵn có trong

⁴ Ngũ Trụ Địa Vô Minh (còn gọi là Vô Minh Trụ Địa) chính là món thứ năm trong năm món phiền não thuộc Ngũ Trụ Địa (Kiến Nhất Xứ Trụ Địa, Dục Ái Trụ Địa, Sắc Ái Trụ Địa, Hữu Ái Trụ Địa và Vô Minh Trụ Địa). Ngũ Trụ Địa vô minh chính là hết thảy vô minh trong tam giới. Nói cách khác, nó là căn nguyên của hết thảy phiền não, là cái nhân của Biển Dịch sanh tử.

nhất tâm của chúng ta. Có thể thấy rằng: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh là có, chứ chẳng phải không có, nhưng khi mê, chúng đều mất sạch, toàn bộ bốn thứ cảnh giới Thường, Lạc, Ngã, Tịnh không còn nữa. Mê là gì? Nhị tâm là mê; nhất tâm là ngộ. Chỉ cần quý vị niệm đến mức nhất tâm bất loạn, bốn thứ thanh tịnh đức ấy sẽ được khôi phục. Pháp Thân có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, trong Bát Nhã có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, trong Giải Thoát cũng có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. mấy câu dưới đây đều trích từ Đại Thừa Khởi Tín Luận.

(Diễn) *Bổn lai diệu minh viết Bổn Giác.*

(演) 本來妙明曰本覺。

(Diễn: *Vốn sẵn diệu minh gọi là Bổn Giác.*)

“*Bổn Giác*” là giác tánh vốn sẵn có trong cái tâm thanh tịnh của chúng ta, chẳng phải do bên ngoài mà có, có bị mất đi hay chẳng? Chẳng bị mất! Mỗi người đều sử dụng nó hằng ngày, tuy sử dụng nó mà chính mình chẳng nhận biết. Đó là mê. Mắt chúng ta thấy sắc, cổ đại đức thường nói: “Khi mắt thấy lần thứ nhất là giác tánh thấy”, vì sao? Khi mắt tiếp xúc để nhìn lần thứ nhất, quý vị còn chưa vương mắc tâm ý thức, còn chưa sử dụng phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, những thứ ấy đều chưa dậy lên. Tròng mắt vừa mở ra nhìn cảnh giới bên ngoài đó là nhìn bằng tánh Thấy, đây là nhất tâm; nhưng tốc độ rất nhanh, chẳng biết nhanh hơn dòng điện bao nhiêu ức vạn lần, ý niệm thứ hai liền mê, khởi phân biệt, chấp trước. Do đây có thể biết: Chư Phật, Bồ Tát từ đầu đến cuối có thể giữ được cái nhìn thứ nhất, giữ cho nó chẳng biến đổi, nên gọi là chư Phật Như Lai. Ý niệm thứ hai liền biến đổi, gọi là phàm phu. Nếu quý vị hỏi: “Vô minh do đâu mà có?” Chính quý vị hãy nên biết: Vô minh là vô thi, không có bắt đầu, mà là quý vị đang mê trong mỗi niệm, chứ không phải là do vô minh khởi lên trong quá khứ, khiến cho hiện tại phải ở trong cảnh giới mê. Không phải vậy! Niệm niệm đều mê. Chư Phật, Bồ Tát niệm niệm đều giác, khác nhau ở chỗ này!

(Diễn) *Phương thí xuất triền viết Thi Giác.*

(演) 方始出纏曰始覺。

(Diễn: *Vừa mới thoát khỏi trói buộc gọi là Thi Giác.*)

“*Thi Giác*” là nói đến địa vị trong tu hành, tức địa vị Bồ Tát. Từ Sơ Phát tâm cho đến thành Phật đều gọi chung là Thi Giác. Vì sao? Mỗi ngày

đều có sự giác ngộ mới. Do vậy, khi đức Phật thị hiện thành Phật, quý vị thấy Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh ghi là “*thỉ thành Chánh Giác*” (vừa mới thành Chánh Giác). Đức Phật ở dưới cội Bồ Đề, đêm nhìn sao Mai, vừa mới thành Chánh Giác, cho đến khi thành Phật vẫn gọi là Thỉ Giác, Ngài bắt đầu thành Phật. Ví như Sơ Trụ Bồ Tát, Ngài bắt đầu chứng được Sơ Trụ, đến Nhị Trụ, Ngài bắt đầu chứng đắc Nhị Trụ. Từ giai đoạn này sang giai đoạn khác đều là bắt đầu. Giống như đi học, mỗi một niên khóa học một lớp, bắt đầu cho năm học ấy. Nếu quý vị suy nghĩ cặn kẽ hơn, mỗi một tháng thì sao? Ngày mùng Một mỗi tháng là ngày bắt đầu. Còn mỗi ngày thì sao? Ngày hôm nay bắt đầu bằng buổi sáng sớm, niệm niệm đều là bắt đầu.

Quý vị phá sạch vô minh trong Ngũ Trụ Địa, khi ấy, danh tự Bồn Giác lẫn Thỉ Giác đều không còn nữa, vì Bồn Giác và Thỉ Giác là hai khái niệm được kiến lập đối ứng với nhau. Đạt đến quả vị Như Lai, những danh tướng ấy hoàn toàn không còn nữa. Nếu còn có những danh tướng ấy, sẽ là thoái chuyển, lại mê hoặc rồi! Kẻ mê mới kiến lập những danh tướng ấy, người ngộ chẳng có. Do vậy, nói: “*Danh khả danh, phi thường danh*”, phải nhớ kỹ! Vì sao Phật, Bồ Tát dạy chúng ta đạo lý “*lìa tướng danh tự*”? Hy vọng dùng những tướng danh tự ấy để giúp quý vị giác ngộ, nhưng đừng chấp trước; hễ chấp trước sẽ biến thành chướng ngại cho ngộ môn.

“*Phương thỉ xuất triền*”: Triền (纏) là vô minh phiền não. Đã vượt thoát thì gọi là Thỉ Giác. Thế nhưng hễ vượt thoát, nhất định phải tương ứng với Bồn Giác thì mới gọi là Thỉ Giác. Nếu không, trong ấy có tà giác, chứ không phải là chánh giác. Rất nhiều ngoại đạo cũng tu hành, thậm chí rất nhiều người công phu khá lắm. Ví như hôm trước có đồng học nói với tôi: Ông ta tiếp xúc một số ngoại đạo, rất nhiều ngoại đạo học được công phu khá lắm, tu đến mức có thể xuất hồn khỏi thân thể. Khi linh hồn lìa khỏi thân, họ có thể tiếp xúc cổ nhân. Người mấy trăm năm trước hay mấy ngàn năm trước, họ đều có thể thấy được. Ông ta hỏi tôi: “Dùng Phật pháp đề luận thì công phu ấy là đã đạt tới cảnh giới gì?” Lão cư sĩ Châu Kính Trụ viết cuốn Bát Đại Nhân Giác Kinh Giảng Nghĩa, quý vị hãy đọc sẽ biết ngay. Ông ta có chép một câu chuyện, nhạc phụ của ông ta là lão tiên sinh Chương Thái Viêm, cụ Chương là một bậc Quốc Học đại sư đầu thời Dân Quốc. Khi cụ Chương còn sống, từng làm phán quan cho Đông Nhạc Đại Đế, giống như chức Bí Thư Trưởng (Secretary General) vậy, chương quản năm tỉnh. Buổi tối, cụ vào âm tào địa phủ làm việc, trông thấy những người sống vào đời Đường, thời Hán. Ông cụ đọc sách khá nhiều, những

người ấy còn có tên trong lịch sử, vẫn thường gặp mặt họ. Bản thân cụ là một học giả, cùng thảo luận văn chương với họ, cụ có thể gặp mặt cổ nhân. Điều này chứng minh những điều nói trong kinh Phật không sai, tuổi thọ của loài quỷ dài lâu. Kinh Phật nói thọ mạng của loài quỷ gần như là một ngàn năm. Dùng phương pháp này để tính toán: Mỗi tháng trong nhân gian là một ngày trong ngạ quỷ đạo. Thọ mạng loài quỷ tính theo [năm tháng] trong nhân gian là mấy ngàn vạn năm, thọ mạng khá dài! Quý vị hãy hiểu rõ chuyện này: Công phu gì có thể thoát hồn khỏi thất khiếu? Đó là công phu của loài quỷ, chẳng liên can gì tới Phật pháp hết!

Công phu của loài quỷ nếu khá sẽ có thể đến chơi Tứ Vương Thiên, nhưng chẳng đến được Đao Lợi Thiên, [họ có thể tới những cõi] từ Tứ Vương Thiên trở xuống cho đến ngạ quỷ đạo, công phu của những kẻ ấy như vậy mà thôi, chẳng đáng bàn tới! Người thế gian hiếu kỳ, nghĩ chuyện có thể giao tiếp với quỷ là phi phạm! Thường qua lại với quỷ, trong tương lai, chính mình nhất định đọa trong ngạ quỷ đạo. Thường qua lại với Phật, Bồ Tát, quý vị mới có thể thành Phật, Bồ Tát. Trong tam giới, Không lão phu tử nói rất hay: “*Vật dĩ tụ loại, nhân dĩ quần phân*” (Vật họp lại theo từng loài, con người phân chia thành từng nhóm). Qua lại lâu ngày với những người chí đồng đạo hợp thuộc đường nào, bản thân người ấy nhất định sẽ đi theo con đường ấy. Người học Phật phải có trí huệ, phải hiểu rõ, thông đạt, chẳng bị mê bởi ngoại cảnh. Trong thế gian này, kinh Lăng Nghiêm đã giảng rất rõ ràng, yêu ma quỷ quái thường dựa vào thân người để giở trò, người bị chúng dựa vào thân chẳng hay biết, cứ ngỡ mình có năng lực rất lớn, có thần thông. Quỷ thần dựa vào thân là tiểu thần thông, chứ không có đại năng lực. Bởi lẽ, chúng sanh ham điều lạ, chuộng chuyện quái dị, chẳng ưa thích tu học chánh pháp.

Chư Phật, Bồ Tát có đại thần thông, quyết chẳng dùng thần thông làm Phật sự! Bất cứ vị Phật hay Bồ Tát nào cũng đều dùng chánh pháp dạy người. [Vận dụng] thần thông làm Phật sự sẽ phát sanh hiểu lầm, vì sao? Chẳng phân biệt được Phật và ma. Ma luôn thích dùng thần thông để làm Phật sự. Phật và ma chắc chắn khác nhau, Phật nhất định dùng chánh pháp để dạy học. Một đằng là chánh pháp, một đằng là trở thần thông; đây là chỗ khác nhau giữa Phật và ma, đặc biệt là trong thời kỳ Mạt Pháp. Một quyền rưỡi cuối kinh Lăng Nghiêm giảng về năm mươi thứ Âm Ma, chúng đều dùng thần thông để biểu diễn nhằm nhiếp thọ hết thấy chúng sanh. Phật không như vậy, Phật dạy quý vị tu Tam Quy Y, dạy quý vị giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ không nhiễm, dạy quý vị thật thà niệm Phật, tu đến nhất tâm bất loạn, dạy quý vị giữ bốn phạm, đúng quy

củ, Phật pháp là như vậy đó. Do vậy, Phật pháp nhất định phải là giác, chẳng thể mê.

(Diễn) Bất vọng bất biến viết Chân Như.

(演) 不妄不變曰真如。

(Diễn: Chẳng vọng, chẳng biến đổi, gọi là Chân Như).

“Vọng” là giả. Chẳng giả, quyết định chẳng biến đổi, vĩnh viễn là như vậy thì mới gọi là Chân Như. Thể là Chân Như, Tướng cũng là Chân Như, tác dụng vẫn là Chân Như. Quý vị suy nghĩ kỹ càng điều này sẽ thấu hiểu được!

(Diễn) Ly quá tuyệt phi viết Phật Tánh.

(演) 離過絕非曰佛性。

(Diễn: Lìa lỗi tuyệt sai gọi là Phật Tánh).

“Quá” (過) là quá thất (lầm lỗi), vô minh, tà kiến, phiền não, hết thấy ô nhiễm đều không có. “Phi” (非) là hết thấy sai lầm, hoàn toàn lìa dứt, đó gọi là Phật Tánh. Phật là tiếng Ấn Độ, dịch sang chữ Hán là Giác. Phật Tánh là giác tánh, đúng như Lục Tổ đã nói về giác tánh: “*Vốn chẳng có một vật, nào sợ nhuộm bụi trần*”. “Trần ai” là tỷ dụ lỗi lầm, không có lầm lỗi, sai trái.

(Diễn) Chư Phật sở đắc chi trí viết Bồ Đề.

(演) 諸佛所得之智曰菩提。

(Diễn: Trí chư Phật đã đắc gọi là Bồ Đề).

Bồ Đề (Bodhi) là tiếng Ấn, dịch nghĩa sang tiếng Hán là Giác; kinh cũng thường gọi nó là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề (Anuttarā Samyak Sambodhi), là chúng ta dịch thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, là trí huệ được chứng đắc bởi chư Phật.

(Diễn) Chư Phật sở chứng chi lý viết Niết Bàn.

(演) 諸佛所證之理曰涅槃。

(Diễn: Lý được chứng bởi chư Phật gọi là Niết Bàn).

Chúng Lý gì vậy? Hết thấy pháp bất sanh, bất diệt, không có pháp nào chẳng viên mãn, pháp nào cũng viên dung. Không chỉ là tướng viên mãn, mà pháp nào cũng đều là tướng thanh tịnh, tịch diệt, đó gọi là Niết Bàn (Nirvāṇa). Trước hết, chúng ta hãy đọc đoạn chú giải tiếp theo, rồi mới quay lại xem kinh văn.

(Diễn) Tứ Đế giả.

(演) 四諦者。

(Diễn: Tứ Đế là...)

Đều là những phần chú thích nhỏ rất đơn giản nhưng trọng yếu, chú giải hết sức hay.

(Diễn) Khổ, Tập, Diệt, Đạo dã. Khổ vi bức bách tướng, Tập vi chiêu cảm tướng.

(演) 苦集滅道也，苦為逼迫相，集為招感相。

(Diễn: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Khổ là tướng bức bách, Tập là tướng cảm vờ).

“*Tướng*” (相) là hình dạng. Khổ (Dukkha) là gì? Thân tâm bị bức bách, tâm có ưu sầu, thân có đau khổ. Đây là tướng bức bách, đó gọi là Khổ. Tập (Dukkha Samudaya) là tướng chiêu cảm, chiêu tập những gì? Có phiền não, kẻ ấy liền khởi Hoặc, tạo nghiệp, nghiệp có tánh chiêu cảm.

Hoặc (惑) là gì? Đối với chính mình, đối với cảnh giới, chẳng thể hiểu rõ chân tướng, đó là mê hoặc. Sau khi mê hoặc sẽ vọng động, nên chiêu tập, cảm ứng các thứ nghiệp báo. Tướng ấy là tướng chiêu cảm.

(Diễn) Thử thế gian nhân quả dã.

(演) 此世間因果也。

(Diễn: Đây là nhân quả thế gian).

Tập là nhân thế gian, Khổ là quả báo thế gian.

(Diễn) Đạo vi khả tu tướng, Diệt vi khả chứng tướng. Thử xuất thế gian nhân quả dã.

(演) 道為可脩相，滅為可證相，此出世間因果也。

(Diễn: Đạo là tướng có thể tu, Diệt là tướng có thể chứng. Đây là nhân quả xuất thế gian).

“Đạo” (Dukka Nirodha Gamini Patipada Magga: Con đường dẫn đến sự chấm dứt đau khổ) là tướng có thể tu, có thể học. “Đạo” là lý luận, phương pháp; có thể chiếu theo những lý luận và phương pháp ấy để tu học, do vậy, tướng trạng của nó là có thể tu. “Diệt” (Dukha Nirodha) là tướng có thể chứng đắc, có thể khế nhập, có thể chứng minh. “Diệt” là diệt hết thấy khổ, diệt hết thấy Tập. Nói cách khác, Khổ Tập chẳng phải là pháp chân thật, hễ mê bèn có, ngộ rồi chẳng còn. Đạo và Diệt là nhân quả xuất thế gian.

(Diễn) Thử Tứ Đế thông Đại Tiểu Thừa, hữu sanh diệt, vô sanh, vô lượng, vô tác.

(演) 此四諦通大小乘，有生滅、無生、無量、無作。

(Diễn: Tứ Đế chung cho cả Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa, có [bốn loại Tứ Đế] là sanh diệt, vô sanh, vô lượng và vô tác).

Tứ Đế (Catvāri-Āryasatyāni) là pháp căn bản trong Phật pháp. Sanh Diệt Tứ Đế là Tạng Giáo, thuộc Tiểu Thừa. Vô Sanh Tứ Đế là Thông Giáo. Vô Lượng Tứ Đế là Biệt Giáo. Vô Tác Tứ Đế là Viên Giáo. Phẩm Tứ Đế trong kinh Hoa Nghiêm nói về Vô Lượng Tứ Đế, tuy kinh Hoa Nghiêm là Nhất Thừa Viên Giáo, nhưng phẩm Tứ Đế trong kinh Hoa Nghiêm lại dùng Biệt Giáo để nói, tức là nói về Vô Lượng Tứ Đế. Bởi lẽ, không có cách nào để giảng Vô Tác Tứ Đế, hiểu được Vô Lượng Tứ Đế thì những thứ trước và sau nó sẽ đều thông đạt.

(Diễn) Tứ giáo bất đồng, nhiên Tứ Đế thị cảnh, phi hạnh, kim vân hạnh giả, cử sở quán chi cảnh, hiển năng quán chi hạnh dã.

(演) 四教不同，然四諦是境非行。今云行者，舉所觀之境，顯能觀之行也。

(Diễn: Tứ giáo thì khác nhau, nhưng Tứ Đế là cảnh, không phải hạnh. Nay nói tới hạnh thì nêu lên cảnh được quán nhằm chỉ rõ cái hạnh để quán).

Chúng ta phải đặc biệt lưu ý những ý nghĩa này, phải nhận thức rõ ràng, rồi mới đọc lại lời Sớ sẽ dễ hiểu.

(Sớ) *Dĩ Di Đà tức thị toàn thể nhất tâm, tâm bao chúng đức, Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, Bồn Giác, Thỉ Giác, Chân Như, Phật Tánh, Bồ Đề, Niết Bàn, bách thiên vạn danh, giai thữ nhất danh.*

(疏) 以彌陀即是全體一心，心包眾德，常樂我淨，本覺始覺，真如佛性，菩提涅槃。百千萬名，皆此一名。

(Sớ: *Do Di Đà chính là toàn thể nhất tâm, tâm bao gồm các đức, Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, Bồn Giác, Thỉ Giác, Chân Như, Phật Tánh, Bồ Đề, Niết Bàn, trăm ngàn vạn tên gọi đều là một danh hiệu này*).

“*Nhất danh*” chính là A Di Đà Phật. A Di Đà Phật bao gồm trọn hết các danh tự. Ví như Trung Hoa Dân Quốc là quốc hiệu của Đài Loan, chúng ta nói tỉnh nọ, huyện kia [của Trung Hoa Dân Quốc] đều chẳng ra ngoài nước này. A Di Đà Phật là toàn thể của nhất tâm, nói Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, nói Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát, nói Bồn Giác, Thỉ Giác, nói Bồ Đề, Niết Bàn, bất luận nói gì, vô tận danh tướng được nói trong ngàn kinh vạn luận đều chẳng lìa khỏi A Di Đà Phật. A Di Đà Phật là pháp môn Đại Tổng Trì, chúng ta phải nên tin tưởng; bởi lẽ, danh hiệu này thâm nhiếp không gì chẳng trọn hết. Chẳng những tất cả các kinh luận pháp môn trong Hiền Giáo đều nằm trong câu danh hiệu này, mà hết thảy kinh luận pháp môn trong Mật Giáo cũng bao gồm trong ấy. Tôi lại thưa với quý vị, có pháp môn thể gian hay xuất thể gian nào lìa khỏi toàn thể nhất tâm hay chẳng? Nếu quý vị hiểu rõ điều này, đạo gì cũng chẳng cần phải tu! Quý vị thích ngoại đạo thì nó cũng được bao gồm trong đây, Cơ Đốc giáo, Thiên Chúa giáo, Nhất Quán Đạo⁵ cũng được bao gồm trong ấy,

⁵ Nhất Quán Đạo là một tà phái mượn danh nghĩa Phật giáo, vốn là hậu duệ của Bạch Liên Giáo, do Lưu Thanh Hư lập ra vào năm 1886 tại Đông Chấn Đường thuộc huyện Thanh Châu, tỉnh Sơn Đông, rồi được truyền bá rộng rãi nhờ công sức của Lộ Trung Nhất và Trương Thiên Nhiên. Giáo phái này từng bị chính quyền Trung Hoa Dân Quốc lần lượt nghiêm cấm vào năm 1936 và năm 1956, nhưng vẫn tồn tại dai dẳng dưới các danh xưng khác nhau. Nhất Quán Đạo được truyền vào Đài Loan năm 1954 do công sức của Tôn Huệ Minh, nhưng vẫn không được công nhận như một tôn giáo hợp pháp. Mãi cho đến năm 1987, tổng thống Tưởng Kinh Quốc của Đài Loan mới bãi bỏ lệnh cấm này. Giáo phái này vay mượn các giáo nghĩa của Phật giáo, Khổng giáo, Đạo giáo, kể cả Thiên Chúa giáo và Hồi giáo. Họ thờ vị thần cao nhất gọi là Minh Minh Thượng Đế (tức Vô Cực Lão Mẫu, cho rằng tất cả Phật, Bồ Tát, thần thánh trên đời đều do Vô Cực Lão Mẫu sanh ra), cũng như thờ Di Lặc Bồ Tát, Tể Công đại sư (họ coi Trương Thiên Nhiên là hóa thân của vị này), Nguyệt Huệ Bồ Tát (hóa thân thành Tôn Tổ Chân, tức Tôn Huệ Minh, vợ của Trương Thiên Nhiên), Quán Âm Bồ Tát, Quan Công, và Lữ Tổ (Lữ Động Tân). Nhằm tạo sự chánh thống, họ cũng tuyên xưng

chẳng có gì ra khỏi nhất tâm toàn thể! Một câu A Di Đà Phật bao gồm trọn hết. Tu gì mới là tốt đẹp? Vẫn là tu A Di Đà Phật là tốt đẹp, vì tu A Di Đà Phật thì thứ gì cũng đều đạt được, tu những thứ khác chỉ có thể đạt được phần nào. Tu theo cách linh hồn thoát khỏi thất khiêu, cao lắm là tu thành quỷ vương, có thể hưởng phước trong quỷ đạo, tương đối tự tại, chẳng bị bó buộc, nhưng vẫn thuộc trong ngạ quỷ đạo!

Cớ sao chẳng tu A Di Đà Phật? Đây là nêu ra công đức chẳng thể nghĩ bàn của một câu danh hiệu.

(Sớ) Chuyên trì giả.

(疏) 專持者。

(Sớ: Chuyên trì là...)

Đây là bảo quý vị hãy nhất tâm chuyên trì.

(Sớ) Chúng sanh học Phật, diệt hữu vô lượng hành pháp.

(疏) 眾生學佛，亦有無量行法。

(Sớ: Chúng sanh học Phật, cũng có vô lượng phương pháp để hành trì).

Đây là tám vạn bốn ngàn hạnh môn do đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói, chẳng phải chỉ có một thứ!

(Sớ) Kim dẫn trì danh nhất pháp, túc dĩ cai chi.

(疏) 今但持名一法，足以該之。

(Sớ: Nay chỉ một pháp trì danh đã đủ để bao gồm trọn hết).

Chúng ta phải nên nhận biết điều này.

(Sớ) Dĩ trì danh tức thị trì thử nhất tâm, tâm cai bách hạnh, Tứ Đế, Lục Độ, nãi chí bát vạn tứ thiên Hằng sa vi trần nhất thiết hạnh môn, nhiếp vô bất tận.

họ là Phật giáo chánh truyền, Lưu Thanh Hư tự xưng là người thừa kế chính thức của tổ Bồ Đề Đạt Ma, đã có công chấn chỉnh Phật giáo, được sự mặc khải để cùng có Phật giáo sau khi các tăng sĩ hậu duệ của Lục Tổ Huệ Năng đã làm suy đồi, truyền bá sai lạc Phật pháp!

(疏)以持名即是持此一心，心該百行，四諦六度，乃至八萬四千恆沙微塵一切行門，攝無不盡。

(Sớ: Do trì danh chính là trì nhất tâm này, tâm gồm thấu trăm hạnh, Tứ Đế, Lục Độ, cho đến tám vạn bốn ngàn Hằng sa vi trần hết thấy hạnh môn, thấu nhiếp không cùng tận).

Hết thấy đều được bao gồm trong ấy. Ngẫu Ích đại sư nói: “Chỉ cần chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật cho thuần thực thì Tam Tạng mười hai phần giáo đều bao gồm hết trong ấy, một ngàn bảy trăm thiên công án cũng thuộc trong ấy”. Thiền gia nói tới một ngàn bảy trăm công án tức là nói tới bộ sách Ngũ Đăng Hội Nguyên⁶. Đây là nêu lên một tỷ dụ để nói: Thiền cũng nằm trong ấy, mà ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh là nói về Giới, tức Luật Tông, Tam Tạng mười hai phần giáo là nói tới Giáo Hạ. Giáo Hạ, Thiền Tông, Luật Tông đều thuộc trong ấy. Không chỉ là mười tông phái Tiểu Thừa và Đại Thừa của Phật pháp, mà tất cả ngoại đạo trong thế gian, có thứ nào ra ngoài nhất tâm được hay chăng? Do vậy, một câu A Di Đà Phật niệm cho thuần thực thì hết thấy các pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều đạt được, vì sao còn phải thấy lạ, nghĩ khác, tu pháp môn này, tu pháp môn nọ? Đấy đều là do chẳng hiểu ý nghĩa chân thật của Như Lai. Nói cách khác, chẳng thông hiểu Phật pháp. Người thông đạt Phật pháp trọn chẳng làm chuyện xuẩn ngốc ấy, chắc chắn thâm nhập một môn. Một môn chính là nhất tâm chấp trì danh hiệu, thứ gì cũng đều thành tựu, thứ gì cũng đều đạt được, vui sướng như thế, sao chẳng làm đi?

(Sớ) Cố danh thủ ước.

(疏) 故名守約。

(Sớ: Cho nên gọi là giữ lấy cách hành trì giản ước).

⁶ Sách Ngũ Đăng Hội Nguyên có thể coi là một bộ sử của Thiền Tông Trung Quốc, do ngài Phổ Tế chùa Linh Ẩn ở Hàng Châu biên tập vào năm Thuần Hựu 12 (1252) đời Nam Tống, gồm 20 quyển. Sở dĩ có tên là Ngũ Đăng vì tài liệu để biên soạn đã dựa theo năm bộ “Đăng Lục” của các Thiền phái chánh yếu thời ấy, tức Cảnh Đức Truyền Đăng Lục (do ngài Đạo Nguyên thuộc tông Pháp Nhãn biên soạn vào thời Bắc Tống), Thiên Thánh Quảng Đăng Lục (do ngài Lý Đạo Úc thuộc tông Lâm Tế biên soạn vào đời Bắc Tống), Kiên Trung Tĩnh Quốc Tục Đăng Lục (do ngài Duy Bạch thuộc tông Vân Môn biên soạn vào đời Bắc Tống), Liên Đăng Hội Yếu (do ngài Ngô Minh thuộc tông Lâm Tế biên soạn vào đời Nam Tống), và Gia Thái Phổ Đăng Lục (do ngài Chánh Thọ thuộc tông Vân Môn biên soạn vào đời Nam Tống).

Đó gọi là “*thủ ước*” (giữ lấy cách hành trì đơn giản, tinh yếu), thật sự thỏa đáng danh phù hợp Thật. Chúng tôi vừa giảng xong đoạn lớn thứ nhất trong phần Tán Kinh (khen ngợi kinh), đến đây là hết một đoạn lớn thứ nhất. Năm nay chúng tôi giảng tới chỗ này bèn ngưng.